

Bản án số: 107/2022/KDTM-ST  
Ngày : 18/02/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
Hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Phi Trung
2. Bà Trần Thị Ngọc Lước

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:** Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên  
Viện kiểm sát nhân dân quận P.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 182/2021/TLST-KDTM ngày 15/3/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2021/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn PC

Địa chỉ trụ sở: Xã Đ, Huyện H, Tỉnh Long An.

Ông SS, trú tại: Xã Đ, Huyện H, Tỉnh Long An, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm tổng giám đốc.

Bà PS, sinh năm: 1988, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 04/0817/UQ-HR-PNP ngày 04/8/2017).

Bị đơn: Công ty cổ phần NN

Địa chỉ trụ sở chính: 172/11 Đặng Văn Ngữ, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Khánh D, trú tại: Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn – Chức vụ: Giám đốc (Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2017, nguyên đơn là Công ty TNHH PC và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà PS đều trình bày:*

Từ tháng 5/2015, giữa Công ty TNHH PC (gọi tắt là Công ty C) và Công ty cổ phần NN (gọi tắt là Công ty N) có giao dịch mua bán hàng hóa là nhựa polyester UC-431 R5MC thông qua các đơn đặt hàng nguyên liệu. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, nguyên đơn sẽ tiến hành giao hàng có phiếu giao hàng (kiêm phiếu xuất kho), đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Quá trình mua bán diễn ra thuận lợi, hai bên đã đặt hàng, giao hàng đầy đủ. Công ty NN cũng đã thanh toán hơn một nửa tiền hàng cho công ty C.

Ngày 09/7/2015, hai bên đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ với nội dung: số tiền hàng nguyên đơn bán cho bị đơn là 610.200.580đồng, bị đơn đã thanh toán được 508.394.392đồng và còn nợ lại số tiền 101.806.188đồng.

Ngày 02/10/2015, Công ty C có gửi văn bản nhắc nợ với nội dung đề nghị Công ty NN thanh toán số tiền còn nợ theo hóa đơn bán hàng số 0005337, ngày 03/6/2015 là 101.668.050đồng nhưng bị đơn không thanh toán cũng không có phản hồi gì cho nguyên đơn.

Nay Công ty C không yêu cầu Công ty NN thanh toán số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ là 101.806.188đồng mà chỉ yêu cầu Tòa buộc Công ty NN thanh toán ngay số tiền còn nợ theo hóa đơn bán hàng số 0005337, ngày 03/6/2015 là 101.668.050đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán cũng như không yêu cầu phạt vi phạm.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty cổ phần NN vẫn vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH PC.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Về quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH PC và Công ty cổ phần NN là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần NN có trụ sở tại địa chỉ: Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Đăng ký lần đầu ngày 22/7/2013 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty cổ phần NN có đại diện theo pháp luật là ông LN. Ngày 09/5/2018, Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 và có thay đổi đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Khánh D.

Công ty cổ phần NN là bị đơn, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Do đó Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập được. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Tòa án nhân dân quận P đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, hòa giải-tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử theo quy định của pháp luật đối với Công ty NN, nhưng Công ty NN đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty NN theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## [2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty C đòi Công ty NN thanh toán ngay số tiền còn nợ theo hóa đơn bán hàng số 0005337, ngày 03/6/2015 là 101.668.050 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các đơn đặt hàng nguyên liệu được lập bằng văn bản, có đóng dấu Công ty NN và có chữ ký xác nhận giữa người đặt hàng là ông Lâm Đăng Khôi Nguyên, là đại diện theo pháp luật của công ty NN và bên xác nhận đơn hàng là Công ty C đủ cơ sở để xác định hai bên đã có giao dịch mua bán hàng hóa, Công ty NN đã đặt hàng nhiều lần là nhựa polyester UC-431 R5MC.

Khi ký kết các đơn đặt hàng, hai bên đều có đủ tư cách pháp nhân và tự nguyện giao kết với nhau. Mục đích của Đơn đặt hàng nguyên liệu là để thực hiện việc mua bán nhựa polyester UC-431 R5MC nên các bên ký kết phù hợp với quy định của pháp luật về mặt hình thức.

Về nội dung của Đơn đặt hàng nguyên liệu:

Xét thấy, các đơn đặt hàng nguyên liệu giữa hai công ty là giao dịch hoạt động mua bán hàng hóa hoàn toàn tự nguyện, không có áp đặt hoặc lừa dối, có

nội dung thể hiện: Tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền, thời gian-địa điểm giao hàng, hình thức thanh toán... quy định ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Dựa vào các đơn đặt hàng này nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn.

[2.2] Căn cứ vào các phiếu giao hàng (kiêm phiếu xuất kho) số BH1-05241 ngày 28/5/2015, số BH1-05268 ngày 29/5/2015, số BH1-06026 ngày 02/6/2015 và số BH1-06034 ngày 03/6/2015 thể hiện địa điểm giao hàng, số hóa đơn, mã hàng, số lô, số kiện, trọng lượng... có chữ ký xác nhận của người nhận hàng và người giao hàng đủ cơ sở để xác định Công ty C đã giao đầy đủ hàng hóa là nhựa polyester PANATEX UC-431R5MC theo yêu cầu của Công ty NN, hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 35 Luật Thương mại 2005. Khi giao hàng, nguyên đơn cũng đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng số 0005274 ngày 28/5/2015 thành tiền là 203.432.240đồng, số 0005302 ngày 29/5/2015 thành tiền là 203.432.240đồng, số 0005329 ngày 02/6/2015 thành tiền là 101.668.050đồng, số 0005337 ngày 03/6/2015 thành tiền là 101.668.050đồng có chữ ký xác nhận của người mua hàng và người bán hàng đủ cơ sở để xác định Công ty C đã bán hàng là nhựa polyester PANATEX UC-431R5MC với số lượng, đơn giá và thành tiền theo như các hóa đơn giá trị gia tăng đã thể hiện.

[2.3] Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/7/2015, có đóng dấu và có chữ ký xác nhận giữa đại diện bên mua là ông LN, và đại diện bên bán là Công ty C. Hai bên đã tiến hành xác nhận với nội dung: số dư nợ cuối kỳ đến ngày 09/7/2015, Công ty NN còn nợ Công ty C số tiền 101.668.050đồng.

Sau khi tiến hành đối chiếu công nợ, bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn nên ngày 02/10/2015, nguyên đơn có thông báo yêu cầu thanh toán nợ do đã quá thời hạn thanh toán mà theo thỏa thuận trong vòng 15 ngày từ ngày xuất hóa đơn là ngày 03/6/2015 thì đến ngày 18/6/2015 bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty C, Tòa án nhân dân quận P đã nhiều lần triệu tập Công ty NN đến Tòa để lấy lời khai về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng Công ty NN vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cũng như kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty NN không đến Tòa án và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội

đồng xét xử khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 101.668.050đồng theo hóa đơn bán hàng số 0005337, ngày 03/6/2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty NN là có cơ sở nên chấp nhận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát quận P đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các chứng cứ và các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty NN phải chịu án phí. Công ty C không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 35 và Điều 50 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần NN phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn PC số tiền còn nợ của hóa đơn bán hàng số 0005337, ngày 03/6/2015 là 101.668.050đồng (Một trăm lẻ một triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn không trăm năm mươi đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn PC không yêu cầu Công ty cổ phần NN trả tiền lãi trên số tiền còn nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần NN phải chịu án phí sơ thẩm là 5.083.402đ (Năm triệu không trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm lẻ hai đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH PC số tiền tạm ứng án phí 2.542.000đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 08813 ngày 28/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty cổ phần NN có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thụy Bích Ngọc**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Lược**

**Phan Phi Trung**

**Nguyễn Thụy Bích Ngọc**

